

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST.

Ngày: 31-8-2022.

*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- *H phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Long.

Ông Võ Tấn Thành.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án của
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu H tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Hồng Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1975, địa chỉ: Số nhà 669, ấp T, xã Đ, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978, địa chỉ: Số nhà 471/4, ấp X, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Hiếu H, địa chỉ: Số nhà 471/4, ấp X, xã T, huyện Châu H, tỉnh Long An. Địa chỉ tạm trú: Công ty Mai Hưng H, Ấp 3, xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp Hòa Thạnh, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

3. Bà Sủ Cao Nhật A, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp Lợi An, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh T trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 22/01/2019 (âm lịch), bà Nguyễn Thị H có đến cửa hàng vật liệu xây dựng của bà T (vật liệu xây dựng 6 Dung) để mua vật liệu xây dựng về sửa chữa nhà theo sự giới thiệu của ông Nguyễn Văn V. Khi giao dịch, bà H hứa là thanh toán bằng tiền mặt sau mỗi chuyến giao hàng và sẽ trả đủ sau khi công trình hoàn H. Ngày 15/6/2019 (âm lịch) là ngày cuối cùng mà bà H mua vật liệu xây dựng của bà T, ngày 07/4/2019 (âm lịch) là ngày cuối cùng mà bà H thanh toán tiền vật liệu xây dựng cho bà T. Tính đến ngày 15/6/2019, bà H còn nợ bà T số tiền vốn mua vật liệu xây dựng là 30.000.000 đồng, hai bên có đối chiếu lại số nợ, bà H có ký nhận vào giấy nợ. Bà T đã nhiều lần liên hệ với bà H yêu cầu bà H trả tiền, nhưng đến nay bà H vẫn không trả tiền cho bà T.

Nay bà T yêu cầu bà H trả cho bà T số tiền là 36.615.000 đồng, trong đó tiền vốn mua bán vật liệu xây dựng là 30.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả từ ngày 13/6/2020 (ngày 22/4 sau/2020 âm lịch) đến ngày 31/8/2022, với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi là 6.615.000 đồng. Bà T yêu cầu bà H trả trong một lần.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà H có đến cửa hàng vật liệu xây dựng 6 Dung để mua vật liệu xây dựng về sửa chữa nhà theo sự giới thiệu của ông Nguyễn Văn V. Bà H chỉ đến cửa hàng lần đầu để giao dịch mua bán. Bà H không có gặp bà T và cũng không biết bà T là ai. Những lần mua vật liệu xây dựng sau thì bà H đều nhờ ông V liên hệ với cửa hàng, bà H không trực tiếp liên hệ để mua hàng. Sau mỗi chuyến giao hàng của cửa hàng, bà H đều thanh toán tiền cho cửa hàng và có ký nhận vào sổ mua bán của cửa hàng thông qua thư ký (bà A). Bà H có ký vào giấy nhận nợ vật liệu xây dựng với số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu của cửa hàng, không có đối chiếu sổ sách.

Nay bà T yêu cầu bà H trả cho bà T số tiền mua bán vật liệu xây dựng là 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng, yêu cầu bà H trả trong một lần thì bà H không đồng ý. Bà H đồng ý trả cho bà T số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng, trả nhiều lần, mỗi tháng trả số tiền là 1.000.000 đồng, bà H không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà T.

Ông Nguyễn Văn V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông V là thợ thi công xây dựng nhà cho bà H, ông V có dẫn bà H đến đại lý vật liệu xây dựng 6 Dung để mua vật liệu xây dựng. Ông V có mối quan hệ quen biết với đại lý 6 Dung nhiều năm, do nhiều lần giới thiệu người mua vật liệu tại đại lý 6 Dung, ông V biết bà T là chủ đại lý vật liệu xây dựng 6 Dung. Bà H có nợ đại lý vật liệu xây dựng 6 Dung nhưng ông V không biết số tiền nợ cụ thể, bà A và bà T có nhờ ông V nhắc nhở bà H trả tiền nợ.

Bà Sử Cao Ngọc A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà Đỗ Thị Thanh T là chủ đại lý vật liệu xây dựng 6 Dung, bà A làm thuê cho bà T, bà A là người trực tiếp bán vật liệu xây dựng cho bà Nguyễn Thị H, giá mua bán và phương thức thanh toán tiền do bà T quyết định, bà A phải hỏi ý kiến của bà T trước khi bán cho khách hàng.

Bà H nhiều lần đến đại lý vật liệu xây dựng 6 Dung mua vật liệu xây dựng, có lần bà H chỉ gọi điện thoại để mua, hai bên thống nhất là trả tiền mặt. Tuy nhiên, bà H trả không đầy đủ, khi bà H xây dựng xong nhà ở thì bà A và bà H đã tiến hành đối chiếu số nợ, tổng kết nợ thì bà H còn nợ đại lý số tiền là 36.676.000 đồng, bà H trả số lẻ là 6.676.000 đồng và xin nợ lại số tiền 30.000.000 đồng, bà H có ký tên vào giấy tổng kết nợ, cho đến nay bà H vẫn chưa trả số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng cho đại lý vật liệu xây dựng 6 Dung.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu H tham gia phiên tòa trình bày: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền mua bán còn nợ là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 6.615.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn, tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Hiếu H, bà Sử Cao Nhật A và ông Nguyễn Văn V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Hiếu H, bà Sử Cao Nhật A và ông Nguyễn Văn V.

[3] Bà Đỗ Thị Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tiền lãi chậm trả từ ngày 13/6/2020 đến ngày 31/8/2022, với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 6.615.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H đồng ý trả cho bà Đỗ Thị Thanh T số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng, trả nhiều lần, mỗi tháng trả số tiền là 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà T. Bà Đỗ Thị Thanh T cung cấp được giấy tổng kết nợ với số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), có chữ ký của bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận giữa các bên, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận, bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là

30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tiền lãi chậm trả từ ngày 13/6/2020 đến ngày 31/8/2022, với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 6.615.000 đồng. Bị đơn còn phải chịu tiền lãi nếu như chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền nợ mua bán còn nợ.

[4] Bà Đỗ Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Thanh T về việc yêu cầu thanh toán nợ mua bán tài sản, buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Thanh T số tiền nợ mua bán là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 6.615.000 đồng (sáu triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng), tổng số tiền là 36.615.000 đồng (ba mươi sáu triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền nợ mua bán chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Đỗ Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 946.000 đồng (chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007662 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.830.750 đồng (một triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Bà Đỗ Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị H, bà Sử Cao Nhật A, ông Phạm Hiếu H và ông Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

****Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng